

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 29 tháng 8 năm 2023;
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đỗ Văn Linh;

2/ Ông Phạm Mạnh Cường.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/11/2010 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ được 01 năm rồi vào miền N làm ăn. Sau 07 năm thì hai vợ chồng trở về địa phương sinh sống. Từ năm 2019, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn như trước.

Chị và anh T đã sống ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 05/6/2011 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 28/11/2014; Nếu vợ chồng ly hôn, chị và anh T thống nhất: Chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N, anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q. Hai bên đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L về điều kiện kết hôn, ngày tháng năm địa điểm đăng ký kết hôn, đúng như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ được 01 năm. Sau đó vợ chồng đi làm ăn xa từ năm 2011 đến năm 2019 thì trở về địa phương sinh sống. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc hòa thuận được 14 năm cho đến nay. Trong cuộc sống hàng ngày, hai vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không lớn đến mức phải ly hôn. Nay chị L xin ly hôn, anh không nhất trí và xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị L có 02 con chung đúng như chị L đã trình bày. Nếu hai vợ chồng ly hôn, anh và chị L thống nhất: Anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Anh T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc nuôi con chung sau ly hôn như sau: Chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hồng N, anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hồng Q. Hai bên đều không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị L và anh T đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu E, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã giao các Quyết định, giấy báo hợp lệ cho bị đơn là anh Nguyễn Anh T nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Còn nguyên đơn là chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn a T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không cùng quan điểm, không quan tâm đến nhau. Nay chị L yêu cầu được ly hôn anh T còn anh T xin được đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương nơi anh T và chị L cư trú, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Khoảng năm 2019 trở lại đây anh T và chị L có xảy ra mâu thuẫn do anh T không chịu lao động chăm lo cho gia đình, anh T và chị L đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị L và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt khó có khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T có với nhau 02 con chung; hiện nay chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng N, anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Q. Chị L và anh T thỏa thuận với nhau: Sau khi ly hôn con đang ở với ai thì người đó tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: thỏa thuận giữa chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thực tế cháu N đang ở với chị L còn cháu Q đang ở với anh T, cả hai cháu đều được chăm sóc chu đáo và không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N; giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

[3]. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 28/11/2014 (*Hiện đang ở với chị L*). Giao cho anh Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 05/6/2011 (*Hiện đang ở với anh T*). Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Anh T không yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số: AA/2020/0003747, ngày 18/5/2023.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm

